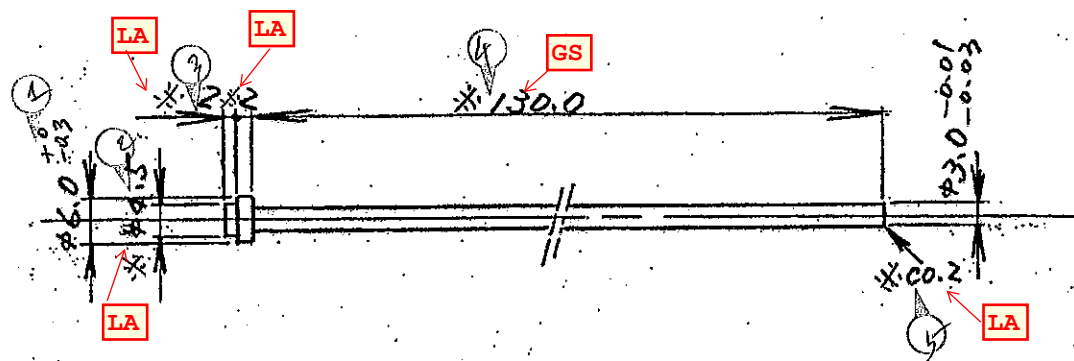


| 記号 | 年月日 | 記 事 | 担当 |
|----|--------|----------------|-----|
| △ | 04.3.9 | 購入品規格及追加工部指示追記 | 曾中熙 |
| | | | |
| | | | |



△註: 三位直式頂出銷EPN3-150 14P
※部寸法追加工使用

壓緊銷

新圖面番號 S440442

| 圖 面 番 號 | T M 1 1 - 0 4 0 - M - 0 0 - Z - 0 0 9 - A A | a |
|---------|---|---|
|---------|---|---|

1-070

| 加工公差表示 | | | |
|----------------------|-------------|-----------------------|---------------|
| 0.0000 | ± 0.002 | $0.000^{+0}_{-0.005}$ | $+0_{-0.005}$ |
| 0.000 | ± 0.005 | 0.000^{+0}_{-0} | $+0_{-0.005}$ |
| 0.00 | ± 0.01 | $0.00^{+0}_{-0.01}$ | $+0_{-0.01}$ |
| 0.0 | ± 0.1 | $0.00^{+0}_{-0.01}$ | $+0_{-0.01}$ |
| 0. | ± 0.2 | $0.0^{+0}_{-0.1}$ | $+0_{-0.1}$ |
| | | 0.0^{+0}_{-0} | $+0_{-0}$ |
| 公差表示されている場合は、それを優先する | | | |

| 材 質 | | 数 / 台 | 担当 |
|-------|-----------|-------|----|
| 熱 処 理 | 焼入 焼戻 HRC | | |
| 表面処理 | | | |
| 尺 度 | / (/) | | |

上型 押エロシA

RF-3700B大5-2型

バーリク2下穴抜型

製図 設計 校図

日付 90/11

承認

SNO: **S440442**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

| DIỄN GIẢI | THỜI GIAN CHUẨN 1P |
|---|--------------------|
| 1.VẬT LIỆU: Xuất hàng K2 Quy cách:EPN3-150 | GS:20 LA:20 |